

PHỤ LỤC*(Kèm theo Báo cáo số 446 /BC-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Sơn Hà)*

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh với KH năm (%)	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)
1	Tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố (GRDP)	%				
2	Tăng trưởng theo cơ cấu: Nông, lâm, thủy sản	%				
3	- Công nghiệp - xây dựng	%				
4	- Thương mại - dịch vụ	%				
5	Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, thủy sản	%		18,07		-
6	- Công nghiệp - xây dựng	%		24,64		-
7	- Thương mại - dịch vụ	%		57,29		-
8	GRDP bình quân đầu người	USD				
9	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%				
10	Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng	tỷ đồng	1.481,00	1.135,46	76,67	114,39
11	Tổng kim ngạch XNK: - Xuất khẩu	triệu USD				
12	- Nhập khẩu	triệu USD				
13	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP	%				
14	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%				
15	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%				
16	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	tỷ đồng				
17	Tổng giải ngân vốn đầu tư công	tỷ đồng	4,6	2,590833	56,32	102,73
18	Thu ngân sách	tỷ đồng	162,608	215,684	132,64	179,66
19	Số lượng doanh nghiệp tư nhân	DN				
20	Thu hút FDI	USD				
21	Tỉ lệ đô thị hóa	%				
22	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%				
23	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%				
24	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm%/năm		0,27		
25	Số bác sĩ/vận dân	người	3	3	100,00	
26	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	11,000	4514	41,03	
27	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	20,172		-	